

CHIẾN TRẬN BẠCH ĐĂNG GIANG

Thời gian: Năm 938

Địa điểm: Sông Bạch Đằng (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam)

Kết quả: Người Việt đại thắng, chấm dứt hoàn toàn thời kỳ Bắc thuộc.

Tham chiến:

Quân Tàu: Lưu Hoàng Tháo ; Chỉ huy: Lưu Cung

Quân Việt: Ngô Quyền (Tĩnh Hải Quân)

Trận Bạch Đằng năm 938 là một trận đánh giữa quân dân Việt Nam – thời đó gọi là Tĩnh Hải quân và chưa có quốc hiệu chính thức – do Ngô Quyền lãnh đạo đánh với quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Kết quả, quân dân Việt Nam giành thắng lợi, nhờ có kế cắm cọc ở sông Bạch Đằng của Ngô Quyền. Trước sự chiến đấu dũng mãnh của quân dân Việt Nam, quá nửa quân Nam Hán bị chết đuối và Hoàng tử Nam Hán là Lưu Hoàng Tháo cũng bị Ngô Quyền giết chết. Đây là một trận đánh quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Nó đánh dấu cho việc chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc của Việt Nam, nối lại quốc thống cho dân tộc.

Sau chiến thắng này, Ngô Quyền lên ngôi vua, tái lập đất nước. Ông được xem là một vị “vua của các vua” trong lịch sử Việt Nam. Đại thắng trên sông Bạch Đằng đã khắc họa mưu lược và khả năng đánh trận của ông.

Hoàn cảnh

Năm 931, Đinh Đình Nghệ đánh đuổi quân Nam Hán – một trong 10 nước thời Ngũ đại Thập quốc nằm liền kề với Tĩnh Hải quân – giành lại quyền tự chủ cho người Việt ở Tĩnh Hải quân, tự xưng là Tiết độ sứ.

Năm 937, Đình Nghệ bị nha tướng Kiều Công Tiễn giết hại để cướp ngôi Tiết độ sứ. Con rể và là một tướng khác của Đình Nghệ là Ngô Quyền bèn tập hợp lực lượng ra đánh Công Tiễn để trị tội phản chủ.

Kiều Công Tiễn sợ hãi, bèn sai người sang cầu cứu Nam Hán. Vua Nam Hán là Lưu Nghiễm nhân cơ hội đó bèn quyết định đánh Tĩnh Hải quân lần thứ hai.

Lưu Nghiễm cho rằng Dương Đình Nghệ qua đời thì Tĩnh Hải quân không còn tướng giỏi, bèn phong con trai thứ chín là Lưu Hoàng Tháo làm “Bình Hải tướng quân” và “Giao Chỉ vương”, thống lĩnh thủy quân.

Diễn biến

Ngô Quyền bao vây và giết chết Kiều Công Tiễn

Năm 938, sau khi tập hợp các hào kiệt trong nước đứng về phía mình, Ngô Quyền mang quân từ Ai châu ra bắc đánh Kiều Công Tiễn. Kiều Công Tiễn bị cô lập không chống nổi, trông chờ viện binh của Nam Hán.

Trong khi vua Nam Hán đang điều quân thì Ngô Quyền đã tiến ra thành Đại La. Kiều Công Tiễn bị cô thế không đủ sức chống lại nên thành nhanh chóng bị hạ, Kiều Công Tiễn bị giết chết. Lúc đó quân Nam Hán vẫn chưa tiến vào tới biên giới.

Kế hoạch của quân Nam Hán

Vua Nam Hán cho con trai là Hoàng Tháo làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, đổi tước phong là Giao Vương, đem 2 vạn quân [20000 hay 2 sư đoàn] sang với danh nghĩa là cứu Công Tiễn. Lưu Nghiễm hỏi kế ở Sùng Văn hầu là Tiêu Ích. Ích nói:

– “*Nay mưa dầm đã mấy tuần, đường biển thì xa xôi nguy hiểm, Ngô Quyền lại là người kiệt kiệt, không thể khinh suất được. Đại quân phải nên thận trọng chắc chắn, dùng nhiều người hướng đạo rồi sau mới nên tiến.*” – **Sùng Văn Hầu Tiêu Ích.**

Vua Nam Hán đang muốn hành quân nhanh để đánh chiếm lại Tĩnh Hải quân, nên không nghe theo kế của Tiêu Ích, sai Hoàng Tháo đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà vào. Lưu Nghiễm tự mình làm tướng, đóng ở Hải Môn để làm thanh viện.

Kế hoạch của Ngô Quyền

Ngô Quyền nghe tin Hoàng Tháo sắp đến, ông bảo với các tướng rằng:

“*Hoàng Tháo là đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mỏi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức còn khỏe địch với quân mỏi mệt, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế được thua chưa biết ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát.*” – **Ngô Quyền.**

Ngô Quyền cho quân sĩ đóng cọc có bịt sắt nhọn xuống lòng sông Bạch Đằng. Khi thủy triều lên, bãi cọc không bị lộ. Ngô Quyền dự định nhử quân địch vào khu vực này khi thủy triều lên và đợi nước triều rút xuống cho thuyền địch mắc cạn mới giao chiến.

Thủy chiến trên sông Bạch Đằng

Vào một ngày cuối đông năm 938, trên sông Bạch Đằng, vùng cửa biển và hạ lưu, cả một đoàn binh thuyền do Hoàng Tháo chỉ huy vừa vượt biển tiến vào cửa ngõ Bạch Đằng.

Quân Nam Hán thấy quân của Ngô Quyền chỉ có thuyền nhẹ, quân ít tưởng có thể ăn tươi, nuốt sống liền hùng hổ tiến vào. Ngô Quyền ra lệnh cho quân bỏ chạy lên thượng lưu. Đợi đến khi thủy triều xuống, ông mới hạ lệnh cho quân sĩ đổ ra đánh. Thuyền chiến lớn của Nam Hán bị mắc cạn và lần lượt bị cọc đâm thủng gần hết. Lúc đó Ngô Quyền mới tung quân ra tấn công dữ dội. Quân Nam Hán thua chạy, còn Lưu Hoàng Tháo bỏ mạng với hơn một nửa quân sĩ.

Kết quả

Vua Nam Hán đang cầm quân tiếp ứng đóng ở biên giới mà không kịp trở tay đối phó. Nghe tin Hoàng Tháo tử trận, Nghiễm kinh hoàng, đành “thương khóc thu nhặt quân còn lại mà rút lui” (Đại Việt sử ký toàn thư). Từ đó nhà Nam Hán bỏ hẳn mộng xâm lăng Tĩnh Hải quân. Lưu Cung cũng than rằng cái tên “Cung” của ông là xấu.

Năm 939, Ngô Quyền lên ngôi vua, xưng là Ngô Vương, lập ra nhà Ngô, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).

Di sản

Năm 1288, quân Đại Việt do Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, và Trần Hưng Đạo lãnh đạo giao chiến với quân Nguyên trên sông Bạch Đằng. Trước đó, Trần Hưng Đạo đã cho đóng cọc và phủ cỏ lên trên rồi cho quân khiêu chiến, giả vờ bỏ chạy. Quân Nguyên đuổi theo, quân Đại Việt cố sức đánh lại. Nước triều rút xuống, thuyền quân Nguyên vướng cọc và nghiêng đắm gần hết. Trận này quân Nguyên đại bại, bắt được tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc, và 400 chiến thuyền.

Nguyên nhân chiến thắng

Chiến thuật quân sự của Ngô Quyền rất độc đáo và đúng như nhận định của Lê Văn Hưu: “Mưu giỏi mà đánh cũng giỏi” hoặc “mưu tài đánh giỏi” như trong Đại Việt Sử ký Toàn thư. Tuy nhiên, theo các nhà quân sự, việc áp dụng chiến thuật lấy cọc nhọn đâm thuyền địch muốn thành công cần có sự kết hợp chặt chẽ với một số mưu mẹo khác.

Thứ nhất, phải dự địch đến đúng bãi cọc đã đóng giăng bấy khi thủy triều còn cao, bãi cọc chưa bị lộ.

Thứ hai, phải nắm rất vững quy luật thủy triều theo từng giờ và tính toán thời điểm để khi thuyền quân địch tới bãi cọc rồi, thủy triều mới rút, có như vậy thuyền địch mới bị mắc cạn và bị cọc đâm.

Chỉ khi có đủ hai điều kiện trên, mưu kế mới có tác dụng. Nếu nước triều rút quá sớm so với dự định, bãi cọc sớm bị lộ, thuyền địch sẽ biết và tránh xa cảnh giặc, như vậy mưu sự hỏng. Không những thế, rất có thể chính các thuyền phía quân mình sẽ bị vướng cọc, thành “gậy ông đập lưng ông”.

Nếu nước triều rút quá muộn so với dự định, chiến thuyền của địch cứ thế vượt qua, không gặp trở ngại gì, coi như bãi cọc đóng xuống vô tác dụng. Đây chính là trường hợp mà các nhà quân sự Việt Nam đã ghi lại của trận Bạch Đằng, 981, quân Tống đã vượt qua bãi cọc để vào được đất liền mà không bị trở ngại (tuy nhiên sau đó vẫn bị mắc mưu Lê Hoàn và đại bại).

Vì vậy, để mưu sự thành công, ngoài việc chuẩn bị cọc nhọn một cách bí mật và hoàn thành sớm, việc dự địch đi theo đúng lộ trình mình muốn và đến vào thời điểm mình muốn mang ý nghĩa quyết định. Mưu sự thành công có thể quyết định toàn bộ cuộc chiến chỉ trong 1 buổi và Ngô Quyền đã thành công bởi mưu kế độc đáo và tính toán, vận dụng chính xác quy luật của thiên nhiên.

Người vận dụng lại mưu kế này là Trần Hưng Đạo trong trận Bạch Đằng, 1288 cũng biết cách kết hợp áp dụng chính xác như vậy nên lại lập đại công phá quân Nguyên. Đòi sau nghe chuyện dùng cọc đâm thuyền địch có vẻ dễ dàng, nhưng khi áp dụng cụ thể mới thấy không hoàn toàn dễ dàng để có thắng lợi như sử sách đã ghi. Không phải ngẫu nhiên mà cả Ngô Quyền và Trần Hưng Đạo đều được xem là danh tướng trong lịch sử Việt Nam.

Ý nghĩa

“Lưu Cung tham đất đai của người, muốn mở rộng bờ cõi, đất đai chưa lấy được mà đã hại mất đứa con của mình và hại cả nhân dân, tức như Mạnh Tử nói: ‘Đem cái mình không yêu mà hại cái mình yêu’ vậy chăng?”

– **Ngô Sĩ Liên:** *“Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoàng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đến, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nói lại được.”* – Ngô Sĩ Liên [1]

“Ngô Quyền trong thì giết được nghịch thần, báo thù cho chủ, ngoài thì phá được cường địch, bảo toàn cho nước, thật là một người trung nghĩa lưu danh thiên cổ, mà cũng nhờ có tay Ngô Quyền, nước Nam ta mới cởi được ách Bắc thuộc hơn một nghìn năm, và mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần, về sau này được tự chủ ở cõi Nam vậy.” – Việt Nam sử lược, soạn giả Trần Trọng Kim

Trận thắng lớn ở sông Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với lịch sử Việt Nam, nó đã giúp chấm dứt 1000 năm Bắc thuộc trong lịch sử Việt Nam, mở ra một thời kỳ độc lập tự chủ cho Việt Nam.

Chiến thắng Bạch Đằng có thể coi là trận chung kết toàn thắng của dân tộc Việt Nam trên con đường đấu tranh chống Bắc thuộc, chống đồng hóa, đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Phải đặt trong bối cảnh Bắc thuộc kéo dài sau 1117 năm (179 TCN – 938) mới thấy hết ý nghĩa lịch sử vĩ đại của nó.

Hơn thế nữa, trong hơn 1000 năm Bắc thuộc đó, kẻ thù của dân tộc Việt là một đế quốc lớn mạnh bậc nhất ở phương Đông với chủ nghĩa bành trướng Đại Hán đang lúc phát triển cao độ, nhất là dưới thời Hán, Đường. Tiếp tục công cuộc bành trướng của Tần Thủy Hoàng, nhà Hán đã chinh phục miền Bắc xứ Triều Tiên chiếm đất đai các bộ lạc du mục phía Bắc, mở rộng lãnh thổ về phía Trung Á, xâm lăng các nước Hạ Lang, Điền ở Tây Nam. Đầu thế kỷ thứ 7, nhà Tùy bành trướng mạnh về phía Đông, chinh phục Triều Tiên, Lưu Cầu (Đài Loan), Giao Châu, Lâm Ấp, Tây Đò Quốc..., nhà Đường mở rộng bành trướng về mọi phía, lập thành một đế chế bao la như Đường Thái Tông đã từng tuyên bố: “Ta đã chinh phục được hơn 200 vương quốc, dẹp yên bốn bề, bọn Di Man ở cõi xa cũng lần lượt về quy phục” (theo Đường thư).

Từ đầu công nguyên, dân số của đế chế Hán đã lên đến 57 triệu người. Thời gian đó, dân số của Việt Nam chỉ độ một triệu. Sau khi chiếm được Việt Nam, mưu đồ của nhà Hán không phải chỉ dừng lại ở chỗ thủ tiêu chủ quyền quốc gia, bóc lột nhân dân, vơ vét của cải, mà còn tiến tới đồng hóa vĩnh viễn dân tộc Việt, sáp nhập đất đai vào Trung Hoa. Chính sách đồng hóa là một đặc tính nổi bật của chủ nghĩa bành trướng Đại Hán, đã được thực hiện từ thời Hán và đẩy mạnh tới nhà Đường. Trong toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam, đây là một trong những thời kỳ vận mạng dân tộc trải qua một thử thách cực kỳ hiểm nghèo.

Ngô Quyền – Người anh hùng của chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng năm 938 – trở thành vị vua có “công tái tạo, vua của các vua” theo như nhận định của Đại Việt Sử ký Toàn thư. Ông xứng đáng với danh hiệu là “vị tổ trung hưng” của dân tộc như nhà yêu nước Phan Bội Châu lần đầu tiên đã nêu lên trong Việt Nam quốc sử khảo.

Sau chiến thắng Bạch Đằng, Việt Nam bước vào thời kỳ xây dựng đất nước trên quy mô lớn. Đó là kỷ nguyên của văn minh Đại Việt, của văn hóa Thăng Long, kỷ nguyên phá Tống, bình Nguyên, đuổi Minh, một kỷ nguyên rực rỡ của các nhà Lý, Trần, Lê.

Nhà sử học Ngô Thì Sĩ đánh giá: “*Trận thắng trên sông Bạch Đằng là cơ sở cho việc khôi phục quốc thống. Những chiến công đời Đinh, Lê, Lý, Trần sau này còn nhờ vào uy danh lẫy liệt ấy để lại. Trận Bạch Đằng vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lẫy lừng ở một thời bấy giờ mà thôi đâu.*” – Việt sử tiêu án – Ngô Thì Sĩ

Còn theo vua Dục Tông nhà Nguyễn: “*Ngô Quyền gặp được nguy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoàng Tháo là thằng hèn kém, nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen. Nếu gặp phải tay Trần Bá Tiên, mà bảo rằng Ngô Quyền không phải theo gót Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, thì ít có lắm!*” – Khâm Định Việt sử Thông giám Cương mục – Quốc sử quán triều Nguyễn.

Truyền kỳ

Sách Việt điện u linh, chương Bồ Cái Đại Vương đã thuật lại chuyện Phùng Hưng hiển linh để trợ giúp Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán:

“Thời Ngô Tiên chúa kiến quốc, Bắc binh nhập khẩu, Tiên chúa đã lo, nửa đêm hốt nhiên mộng thấy một ông già đầu bạc, y quan nghiêm nhả, tay cầm quạt lông, chống gậy trúc, tự xưng tính danh rằng: Ta lãnh thân binh vạn đội, sẵn sàng mai phục các chỗ yếu hại, chúa công tức tốc tiến binh chống cự, đã có âm trợ, chớ lo phiền chi cả.

Đến khi tiến binh trên Bạch Đằng, quả thấy trên không có tiếng xe ngựa, trận ấy quả được đại tiếp; tiên chúa lấy làm lạ, chiếu kiến lập miếu điện, trang nghiêm có từng hơn xưa, lại sắm thêm quạt lông, cờ hoàng đạo, chiêng đồng, trống đại, rồi làm lễ thái lao, con hát đến làm lễ tạ; lịch triều theo đó dần dần thành ra cổ lễ.”

Tham khảo

An Nam chí lược, soạn giả Lê Tắc; Dịch giả: Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam; Nhà xuất bản: Viện Đại học Huế 1961

Đại Việt Sử ký Toàn thư; Soạn giả Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên...; Dịch giả Viện sử học Việt Nam; Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội, 1993.

Việt sử tiêu án, soạn giả Ngô Thì Sĩ, Dịch giả: Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên Lạc Văn hóa Á Châu; Nhà xuất bản: Văn Sử 1991.

Lịch triều hiến chương loại chí, soạn giả Phan Huy Chú, dịch giả Viện sử học Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục, 2006.

Việt Nam sử lược; soạn giả Trần Trọng Kim, Trung tâm học liệu xuất bản, bản điện tử.



CHIẾN TRANH BẠCH ĐẰNG GIANG

Thời gian: Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 981

Địa điểm: Miền bắc Việt Nam

Kết quả: Đại Cồ Việt chiến thắng

Tham chiến

Đại Cồ Việt

Chỉ huy : Lê Hoàn, Phạm Cự Lạng (Lượng)

Đại Tống

Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Trương Tuyên, Thôi Lượng.

Lực lượng

Đại Cồ Việt : 10 vạn [~ 100000]

Đại Tống

4 vạn cấm quân,

Hàng vạn dân phu vận chuyển.

Chiến tranh Tống–Việt năm 981 là một cuộc chiến tranh giữa Đại Tống thời Tống Thái Tông và Đại Cồ Việt thời Lê Đại Hành diễn ra từ tháng 1 đến tháng 4 năm 981 trên lãnh thổ Đại Cồ Việt. Kết quả, quân và dân Đại Cồ Việt đã đánh bại quân đội Đại Tống. Sau cuộc chiến này, năm 986, hoàng đế Đại Tống chấp nhận nhà Tiền Lê và ban chế phong cho Lê Đại Hành.

Bối cảnh

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và thế tử Đinh Liễn bị ám sát. Tháng 5 năm 980 (dương lịch), sứ nhà Tống ở Đại Cồ Việt là Lu Tập về nước báo cáo; triều đình nhà Tống biết được tình hình rối ren ở Đại Cồ Việt. Tháng 8 năm 980, Hầu Nhân Bảo, quan trấn thủ châu Ung của Đại Tống dâng thư lên hoàng đế Đại Tống báo cáo việc Đại Cồ Việt có nội loạn và là thời cơ để đánh chiếm và xin được về kinh đô để trình bày rõ hơn. Hoàng đế Đại Tống theo lời khuyên của Lu Đa Tôn không triệu Hầu Nhân Bảo về kinh đô để giữ bí mật việc chinh phạt Đại Cồ Việt. Thay vào đó, Hữu Tráng là quan cai quản lộ Quảng Nam Tây (thuộc vùng Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay) được gọi về kinh đô báo cáo

tình hình Đại Cồ Việt. Hữu Tráng tâu rằng: “ở Giao Châu thì vua cuối họ Đinh là Đinh Toàn còn nhỏ dại, bị giặc hãm hại, nước loạn mãi chưa yên, dân không biết dựa vào ai làm chủ. Ta nên kíp sai quân sang, nói là đến cứu...”.

Nắm được tình hình Đại Cồ Việt rồi, Tống Thái Tông phong Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu lộ thủy lục kế độ chuyển vận sứ, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trùng, Giả Thực giữ chức Binh mã đô bộ thự lập tức chuẩn bị chiến tranh với Đại Cồ Việt. Đồng thời ban chiếu chinh phạt Đại Cồ Việt.

Nội dung như sau:

“Thanh giáo và oai linh của nước nhà vang khắp cả mọi nơi, gần đây đất Diên-Chỉ, chưa sáp nhập vào địa đồ Trung Hoa, chúng ở một phương, gần nơi Ngũ Lĩnh. Từ cuối đời Đường rối loạn, chia xẻ đất đai, rồi chúng làm ra một nước tiếm nguy, ở xa thanh giáo thành ra phong tục như đũa mù đũa điếc. Kịp khi Phiên-Ngung đã bình định, mới ban cho Chính-Sóc mà tuân hành, tuy đã phục tùng chịu làm phiên thuộc, nhưng cứ tu luyện binh lính, có ý quật cường. Lễ thờ phụng nước trên, lễ nào như thế? Vậy ta bắt đắ dĩ phải trị tội gian nguy để cứu dân, phải cử binh qua đánh để khai hoá xứ mọi rợ; nay cho bọn Tôn Toàn Hưng xuất quân qua đánh.”

Lời chiếu cho thấy việc vua Đinh và thế tử bị ám sát thực tế không liên quan đến việc Đại Tống muốn chinh phạt Đại Cồ Việt.

Mùa thu năm 980, quan trấn thủ châu Lạng (Lạng Sơn) báo tin cho triều đình việc quân Tống chuẩn bị đánh xuống Đại Cồ Việt. Lê Hoàn liền lên ngôi vua và gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Mùa Đông năm 980, Tống đế gửi thư tuyên chiến. Trong thư có đoạn: “Hiện nay ta đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội.”

Lê Đại Hành một mặt chuẩn bị kháng chiến, một mặt vẫn sai sứ mang thư sang triều đình Đại Tống báo cáo việc đã lập Đinh Toàn nối ngôi Đinh Tiên Hoàng. Nhà Tống không đồng ý. Tống Thái Tông sai Lu Đa Tôn viết thư trả lời Lê Hoàn. Thư có đoạn:

“Nay chín châu bốn biển đã yên, chỉ còn Giao Châu của người ở xa cuối trời... Người định về theo ta, hay muốn chuộc lấy tội. Ta đang chuẩn bị xe ngựa, binh lính, cờ lệnh, chiêng trống... nếu người quy hàng ta tha, nếu trái mệnh thì ta đánh. Theo hay không, lành hay dữ, người tự nghĩ lấy...”

Chuẩn bị và lực lượng

Đại Tống

Triều đình nhà Tống cho lập *Giao Chỉ hành doanh* là bộ chỉ huy lực lượng viễn chinh Giao Chỉ. Trong bộ chỉ huy này:

- **Hầu Nhân Bảo** là tổng tư lệnh, được phong làm Giao Chỉ lộ Thủy lục kế độ Chuyên vận sứ; có nghĩa chỉ huy cả thủy lục quân và sau khi chinh phạt được Đại Cồ Việt (nhà Tống chỉ gọi là Giao Chỉ) thì sẽ biến xứ này thành một lộ của Đại Tống và giao cho Hầu Nhân Bảo làm chuyên vận sứ.
- Các tướng lĩnh cao cấp khác (hàng chánh tướng và phó tướng) gồm có: Tôn Toàn Hưng, Lưu Trường, Giả Thực, Vương Soạn, và Trần Khâm Tộ.
- **Tôn Toàn Hưng** được giao chức phó tổng tư lệnh, được phong làm Ung Châu lục lộ binh mã Đô bộ thư.
- **Hứa Trọng Tuyên** là phó tổng tư lệnh đóng tại hậu cứ ở bên đất Tống.
- **Lưu Trường** là chỉ huy lực lượng thủy quân.
- **Hứa Sương Duệ** chỉ huy lực lượng thông tin liên lạc.

Ngoài ra còn nhiều sĩ quan hàng tùy tướng, lại thuộc, v.v. Theo Tống sử, nhà Tống chia quân làm 2 đạo. Đạo quân bộ do Lan Châu Đoàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng, Bát tác sứ Trương Tuyên, và Tả giám môn vệ tướng quân Thôi Lượng chỉ huy từ Ung Châu tiến vào. Đạo quân thủy do Thứ sử Ninh Châu Lưu Trường, Quân khí khổ Phó sứ Giả Thực, Cung phụng quan Các môn chi hậu Vương Soạn chỉ huy, từ Quảng Châu tiến vào.

Quân Tống huy động chủ yếu là lực lượng tại các địa phương phía Nam dưới quyền của Hầu Nhân Bảo và Hứa Trọng Tuyên. Ngoài ra, còn có từ 1–2 vạn quân được huy động từ Kinh Hồ (vùng Trung Nguyên) đặt dưới quyền của Lưu Trường và Trần Khâm Tộ. Trong lực lượng chinh phạt này, thành phần cấm quân là thành phần chủ yếu. Cấm quân là lực lượng chủ lực và cơ động của quân đội Tống.

Toàn bộ quân số khoảng 3–4 vạn người.

Đại Cồ Việt

Về phía Đại Cồ Việt, giúp việc cho Lê Đại Hành trong việc chỉ huy quân và dân cả nước đánh trả là:

- Phạm Cự Lạng (Lượng) giữ chức Thái úy,
- Hồng Hiến giữ chức Thái sư.

Thiên Uyển tập anh cho biết “Thời Lê Đại Hành chống Tống, vua thường mời sư Pháp Thuận và đại sư Ngô Chân Lưu cùng dự bàn mưu kế. Đến khi thái bình, vua ban khen, các sư đều không nhận thưởng”.

– Lê Đại Hành thân chinh dẫn đại quân từ kinh thành Hoa Lư theo đường thủy, ngược sông Đáy, sông Nhuệ mà vào sông Hồng, rồi từ đó tiến lên miền địa đầu Đông–Bắc đất nước.

– Lữ Lang được cử đưa đạo quân Uy Dũng từ Hoa Lư lên giữ phòng tuyến bờ Bắc sông Lục Giang (địa phận Thái Bình ngày nay).

– Trần Công Tích lên trấn thủ ở Nghĩa Đô gần thành Đại La (Hà Nội ngày nay).

– Lê Long Kính trấn thủ ở bờ Bắc sông Hải Triều (tức sông Luộc).

Các tướng lĩnh khác bên phía Đại Cồ Việt gồm có: Phùng Phường, Đào Trực, Hoàng Vĩnh Chu, Đào Công Mỹ, Phạm Quảng, Đào Thành, Phạm Minh, Nguyễn Triệt, Vũ Uy, Đặng Xuân, và 4 em trai: Vương Minh, Vương Xuân, Vương Hồng, và 2 em gái, và Dũng Mạnh (hộ vệ Lê Đại Hành).

Tổng số quân Đại Cồ Việt theo ước tính của Trần Bá Chí (2003) vào khoảng 10 vạn người.

Đại Cồ Việt đã khẩn trương xây dựng các phòng tuyến. Đáng chú ý nhất trong số này là chiến lũy Bình Lỗ. Hiện chưa có khẳng định cuối cùng là Bình Lỗ ở đâu. Tuy nhiên, vai trò của Bình Lỗ đã được Trần Quốc Tuấn sau này nhắc đến, đó là nhà Tiền Lê nhờ xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Bên cạnh đó, Lê Đại Hành cho cắm các cọc nhọn trên sông Bạch Đằng và một số sông khác để đối phó với thủy quân Tống.

Diễn biến

Các hướng tấn công của quân Tống

Việc quân Tống tấn công Đại Cồ Việt theo những hướng nào, đến nay có nhiều quan điểm.

Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Việt Nam sử lược, và một số sách lịch sử khác chép rằng quân Tống có một đạo lục quân do Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng chỉ huy tiến vào Đại Cồ Việt qua đường Lạng Sơn, và một đạo thủy quân do Lưu Trừng chỉ huy tiến vào qua cửa sông Bạch Đằng.

Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu lịch sử hiện đại gần đây trong đó có các nghiên cứu của tác giả từ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam cho rằng thủy quân Tống do Hầu Nhân

Bảo chỉ huy và đi qua Lạng Sơn (nay là đảo Hai Núi hoặc cù lao Hai Núi ở tọa độ trung bình 2141' vĩ bắc, 10736' kinh đông, ngoài khơi Quảng Ninh. vào sông Bạch Đằng. Lục quân do Tôn Toàn Hưng đi theo con đường qua Tiên Yên, Đông Triều. Trần Bá Chí (2003) cho rằng tuyến đường bộ vào các ải Nam Quan, Quyết Lý, Chi Lăng, Cần Trạm qua Thị Cầu vào Thăng Long do Lý Công Uẩn mới mở làm sứ lộ, chỉ hoàn thành vào năm 1020.

Trận Chi Lăng

Theo một số sử liệu cũ đã nhắc ở trên, thì Hầu Nhân Bảo tiến quân vào Đại Cồ Việt qua đường Lạng Sơn. Đến Chi Lăng, Hầu Nhân Bảo bị quân Đại Cồ Việt mai phục tập kích và tử trận tại đây. Mất chủ tướng, quân Tống vỡ trận và bị tiêu diệt quá nửa. Đây là trận đánh quyết định của cuộc chiến tranh, vì như các sách sử cổ này chép thì cánh quân của Lưu Trưng nhận được tin cánh quân của Hầu Nhân Bảo thì liền tháo chạy. Chiến tranh kết thúc. Đại Việt sử ký toàn thư không hề nhắc đến các trận đánh nào khác trong cuộc chiến tranh này. Còn Khâm định Việt sử thông giám cương mục và Việt Nam sử lược có nhắc đến một trận ở sông Bạch Đằng, một trận ở Tây Kết.

Riêng về địa danh Chi Lăng, các sách cho rằng quân Tống đi qua đường Lạng Sơn cũng không thống nhất với nhau. Đại Việt sử ký toàn thư và Việt Nam sử lược nói là ải Chi Lăng. Khâm định Việt sử thông giám cương mục nói là sông Chi Lăng và cho biết đây là con sông chảy qua xã Chi Lăng (Lạng Sơn). Đại cương lịch sử Việt Nam tập I của Nhà xuất bản Giáo dục do Trương Hữu Quýnh chủ biên thì cũng viết là sông Chi Lăng, nhưng lại nói đó chính là sông Thương.

Những ý kiến gần đây cho rằng có sự lầm lẫn về địa danh trong sử sách. Nguyễn Minh Tường trong sách “Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn” dẫn ý kiến các nhà nghiên cứu Trần Bá Trí, Hà Văn Tấn cho rằng: Chỉ vì bản dịch Việt sử lược hiện có đã dịch nhầm chữ Lăng (Lăng Sơn) thành Ngân (Ngân Sơn), mà nhiều nhà sử học đã loay hoay tìm con đường tiến của quân Tống từ Lạng Sơn qua Bắc Thái (tức Bắc Kạn). Thực ra, Lăng Sơn là tên gọi một hòn núi gần Vạn Ninh của Quảng Ninh. Hầu Nhân Bảo đã đi qua Lăng Sơn ở Quảng Ninh để tiến vào sông Bạch Đằng.

Trận Bạch Đằng thứ nhất

Khâm định Việt sử thông giám cương mục và Việt Nam sử lược có chép về một trận Bạch Đằng. Tại đó, quân Đại Cồ Việt chịu thất bại vì quân Tống đông quá. Đại cương lịch sử Việt Nam tập I thì lại chép rằng ngay trận đầu này, quân Đại Cồ Việt đã thắng, đạo thủy quân của Tống bị đánh tan.

Theo các nghiên cứu lịch sử hiện đại, thì ngày 24 tháng 1 năm 981 cánh quân thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy ồ ạt tiến vào cửa Bạch Đằng. Trong trận Bạch Đằng đầu tiên này, quân Đại Cồ Việt đã thất bại, không những không ngăn được quân Tống mà còn bị

thương vong nhiều. Quân Tống lấy được 200 thuyền, tiêu diệt hơn 1000 quân lính Đại Cồ Việt. Lê Đại Hành phải rút về vùng Xạ Sơn (huyện Kinh Môn), An Lạc (huyện Chí Linh, Hải Dương) củng cố lại thế trận, đồng thời gửi thư trả hàng.

Lục quân Tống tấn công

Sau khi thủy quân Tống đánh trận Bạch Đằng khoảng 5 ngày, tức là vào 30 tháng 1 năm 981, lục quân Tống dưới sự chỉ huy của Tôn Toàn Hưng mới tới Hoa Bộ. Về địa danh Hoa Bộ, Trần Bá Chí (2003) cho biết Hoa Bộ là địa danh do nhà Tống gọi có nghĩa là nơi có nhiều người Hoa sinh sống và nghiên cứu này còn cho biết có nhiều quan điểm khác nhau về vị trí của địa danh Hoa Bộ. Có quan điểm cho rằng Hoa Bộ ở vùng Kép, tức là gần sông Thương. Có quan điểm cho đó là gần sông Cầu. Các quan điểm này thống nhất với quan điểm cho rằng lục quân Tống tiến vào Đại Cồ Việt qua đường Lạng Sơn. Bản thân Trần Bá Chí (2003) dẫn các nghiên cứu về khảo cổ và quan điểm quân sự cho rằng Hoa Bộ gần sông Bạch Đằng, ở khoảng huyện Thủy Nguyên ngày nay. Quan điểm cho rằng Hoa Bộ ở gần sông Bạch Đằng thống nhất với quan điểm cho rằng lục quân Tống tiến vào Đại Cồ Việt qua đường ven biển Đông Bắc. Đại cương lịch sử Việt Nam tập I lại cho rằng Hoa Bộ là địa danh ở Nam Quảng Đông (Trung Hoa) và Tôn Toàn Hưng đóng quân lý ở đó không chịu tiến vào Đại Cồ Việt.

Tại Hoa Bộ, lục quân Tống đã gặp và giao tranh với quân Đại Cồ Việt. Tục tư trị thông giám trường biên của Lý Đào chép rằng quân Tống đã đánh bại “hơn vạn quân Giao Chỉ, chém được 2345 đầu giặc”. Tuy nhiên, lục quân Tống đã không thể tiến tiếp để gặp thủy quân.

Quân Tống lập Giao Châu hành doanh tại Đại Cồ Việt

Hầu Nhân Bảo chiếm được sông Bạch Đằng và các làng mạc xung quanh, đặt Giao Châu hành doanh tại đó để phối hợp quân thủy bộ, bước tiến sâu vào nội địa Đại Cồ Việt. Tuy nhiên, hai đạo thủy lục quân của Tống không thể liên lạc được. Tôn Toàn Hưng viện cớ chờ Lưu Trừng đưa viện binh (thủy quân) sang cùng tiến quân một thể. Đến tháng 3 năm 981, sau hơn 2 tháng chiếm Bạch Đằng – Hoa Bộ, cả hai cánh quân Tống vẫn giậm chân tại chỗ. Quân Tống liên tục bị quân chủ lực và dân binh các làng xã tập kích quấy rối, làm cho lực lượng bị tiêu hao, tinh thần binh lính suy giảm. Khi Lưu Trừng đưa quân tới nơi, Tôn Toàn Hưng cùng Lưu Trừng tiến quân, nhưng không gặp đối phương lại quay về Hoa Bộ.

Trận sông Lục Đầu

Sau khi phát hiện quân Đại Cồ Việt có chiến lũy Bình Lỗ kiên cố, quân Tống chủ trương đánh chiếm Đại La để làm bàn đạp tiến đánh Hoa Lu. Ngày Tất niên năm Canh Thìn (tức 7 tháng 2 năm 981), Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng chỉ huy thủy lục quân tiến theo sông Kinh Thầy vào sông Lục Đầu. Phía Đại Cồ Việt trinh sát được sự di chuyển của

quân Tống, liền kéo một bộ phận lớn về giữ sông Lục Đầu dưới sự chỉ huy của đích thân Lê Đại Hành cùng các tướng Trần Công Tích, Trần Bảo Trung, Trần Minh Khiết. Quân Đại Cồ Việt bố trí dọc tuyến sông từ Đại La tới sông Lục Đầu để ngăn cản đối phương vào Đại La. Tại sông Lục Đầu, quân Đại Cồ Việt có một căn cứ là Phù Lan. Trên sông có nhiều bãi cọc để ngăn thuyền bè của Tống.

Thủy quân Tống dàn quân chiếm sông Lục Đầu. Lục quân được vận chuyển bằng thuyền rồi đổ bộ lên bờ lập trại. Hai bên Tống–Việt giao chiến ác liệt. Quân Tống nhiều lần tìm cách chọc thủng phòng tuyến của quân Đại Cồ Việt để tiến về Đại La nhưng đều thất bại. Quân Tống bị thua to ở sông Lục Đầu, quân số hao hụt; vũ khí, chiến thuyền hư hỏng, mất mát nhiều, lương thực khó khăn thêm. Cuối cùng, quân Tống đành phải rút về vùng xung quanh sông Bạch Đằng Sông Lục Đầu vì thế còn được gọi là sông Đò Lỗ. “Đò” nghĩa là giết, “Lỗ” chỉ quân Tống.

Sau trận Lục Đầu, tinh thần của quân Tống bị sa sút. Tôn Toàn Hưng sau khi quay về Hoa Bộ thì đóng lý ở đó bất chấp sự thúc giục của Hầu Nhân Bảo, lấy cớ chờ quân tăng viện sang mới tiến được.

Quân Tống được tăng viện

Mãi đến ngày 11 tháng 4 năm 981, thủy quân tăng viện của Tống do Lưu Trưng chỉ huy mới tới sông Bạch Đằng và sát cánh với lực lượng của Hầu Nhân Bảo. Tiếp đó, lục quân tăng viện của Tống do Trần Khâm Tộ chỉ huy cũng tới nơi. Tôn Toàn Hưng cử Trần Khâm Tộ tiến công và viên tướng này đã thành công trong việc chọc thủng phòng tuyến của quân Đại Cồ Việt, tiến đến Tây Kết (bên sông Hồng, thuộc địa phận huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên ngày nay).

Trận Bình Lỗ

Bình Lỗ là tên một thành cổ được ghi nhận trong lịch sử Việt Nam, nhờ có thành này mà năm 981 Lê Đại Hành đã đánh tan được quân Tống. Đến nay có 2 giả thuyết về vị trí của thành Bình Lỗ. Giả thuyết thứ nhất cho rằng thành này nằm trong đoạn sông Hồng từ ngã ba Lệnh (Yên Lệnh, Hà Nam) đến ngã ba Vàng (Giao Thủy, Nam Định). Tác giả đã dựa vào giả định quân Tống muốn đánh Hoa Lư trước, nhưng không vượt được phòng tuyến Bình Lỗ và phải quay về sông Bạch Đằng. Chính vì giả thuyết này mà xuất hiện thêm một trận Bạch Đằng thứ hai nhưng không thấy có trong các sử liệu cũ.

Giả thuyết thứ hai thì cho rằng Bình Lỗ nằm ở hương Bình Lỗ, ngay bên bờ sông Cà Lồ. Thuyết này dựa vào bài viết về Đại sư Khuông Việt trong sách Thiên Uyển Tập Anh, trong đó cho biết Khuông Việt đã được vua cử đi trước đến Bình Lỗ để chuẩn bị trận địa mai phục đánh Tống. Chú thích của Lê Mạnh Thát trong bài này đã ghi rõ sông Bình Lỗ chính là sông Cà Lồ ngày nay. Người thứ hai ủng hộ thuyết này là Nguyễn Vinh Phúc, ông cho rằng quân Tống muốn đánh chiếm Đại La trước vì thành này quan trọng hơn, sau

đó mới tiến xuống đánh Hoa Lư. Hương Bình Lỗ xưa kéo dài từ núi Sóc đến sông Cà Lồ. Một căn cứ nữa nghiêng về giả thuyết thứ hai được ghi ngay trong mục 2.2 của bài này là hướng hành quân của vua Lê Đại Hành “theo đường thủy, ngược sông Đáy, sông Nhuệ mà vào sông Hồng, rồi từ đó tiến lên miền địa đầu Đông–Bắc đất nước”. Trên đường hành quân ông dừng ở làng Tó, xã Tả Thanh Oai (nằm dọc sông Nhuệ), huyện Thường Tín ngày nay, rồi vượt sông Hồng và xuôi dòng sông Cà Lồ để đến Bình Lỗ. Chuyện “Hai vị thần ở Long Nhãn, Như Nguyệt”, trong đó đã mô tả diễn biến của trận đánh. Nơi này nằm trên sông Cà Lồ, thuộc địa phận làng Tiên Tảo (căn cứ kháng chiến cũ của hai vị anh hùng Trương Hồng, Trương hát), gần với ngã ba Xà (cửa sông Cà Lồ). Tại đây quân Đại Cồ Việt đã thắng lớn, được sách Thiên Uyển Tập Anh ghi khá rõ:

“Quân giặc kinh hãi, rút về giữ sông Hữu Ninh, lại thấy sóng gió nổi lên, giao long nhảy nhót, giặc bèn tan vỡ.” Sách Đại Việt sử lược thì ghi như sau: “Vua tự làm tướng đem quân ra chống cự. Vua cho cắm cọc cứng dưới sông. Quân Tống rút về giữ mặt Ninh Giang. Vua sai người sang trá hàng để dụ Hầu Nhân Bảo. Quân Tống thua trận, Hầu Nhân Bảo bị bắt và bị chém. Bọn Trần Khâm Tộ nghe tin thất trận phải rút lui”.

Sông Hữu Ninh có thể là một nhánh của sông Cà Lồ nổi từ thành Bình Lỗ ra đến bờ sông Cầu, nay đã bị vùi lấp. Trận Bình Lỗ gồm cả trận đánh trên sông Hữu Ninh. Sông Hữu Ninh chính là nhánh sông bên phải của sông Ninh (tức sông Cầu). Ngày nay dọc con sông nhỏ hẹp này còn để lại nhiều dấu tích với những cái tên như Ngòi Ác, cầu Cửa Ma, Đầm Lâu, và một nấm mồ chung chạy dài có tên là Bờ Xác. Các dẫn chứng đều nghiêng về giả thuyết thứ hai là thành Bình Lỗ nằm bên bờ sông Cà Lồ.

Trận Bạch Đằng thứ hai

Các chính sử cũ của Việt Nam và cả một số nghiên cứu lịch sử hiện đại không hề nhắc đến trận này, tuy nhiên các nghiên cứu lịch sử mới hơn lại khẳng định có và còn cho rằng đây là trận đánh quyết định tiêu diệt chủ tướng và bộ phận lớn quân Tống.

Sau thất bại ở phòng tuyến Bình Lỗ, trở lại sông Bạch Đằng, đạo thủy binh Hầu Nhân Bảo rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Tuy viện binh Tống do Lưu Trùng chỉ huy đã kéo sang từ tháng 4 năm 981, nhưng “Giao Châu hành doanh” vẫn không sao thực hiện được kế hoạch hợp điểm, hội sư để cùng tiến chiếm Hoa Lư. Liên quân Lưu Trùng – Tôn Toàn Hưng tiến quân đến thôn Đa Ngư nhưng không gặp chủ quân Đại Cồ Việt để giao chiến, lại vội vã rút quân về Hoa Bộ. Cánh quân bộ do Trần Khâm Tộ chỉ huy tiến xuống Tây Kết cũng trở thành đạo quân bị cô lập, ở vào tình thế dễ bị đối phương truy kích tiêu diệt. Cánh quân thủy của Hầu Nhân Bảo từ sau trận Lục Giang vốn đã bị tiêu hao sinh lực, phương tiện chiến đấu, lại bị chia cắt khỏi thế trận liên kết chung. Ý đồ tiêu diệt quân chủ lực của Đại Cồ Việt hoàn toàn thất bại.

Trong khi đó, Lê Đại Hành bí mật tăng cường lực lượng chuẩn bị 1 trận quyết chiến giáng đòn quyết định. Ông chọn 1 khúc sông hiểm yếu rồi bố trí quân mai phục chờ sẵn.

Ngày 28 tháng 4 năm 981, trận quyết chiến Bạch Đằng diễn ra

Có nghiên cứu cho rằng Lê Đại Hành đã cho 1 cánh quân ra khiêu chiến với quân Hậu Nhân Bảo. Chiến sự đang diễn ra quyết liệt thì quân Đại Cồ Việt “thua chạy”, quân Tống “thừa thắng” đuổi theo. Khi chiến thuyền của Hậu Nhân Bảo lọt vào trận địa mai phục, Lê Đại Hành tung quân ra đánh ráo riết. Các chiến binh Đại Cồ Việt từ khắp các trận địa mai phục và từ các nẻo đường đổ về sông Bạch Đằng vây đánh quân Tống quyết liệt. Hậu Nhân Bảo bị giết chết trong đám loạn quân. Lưu Trưng vội vã dẫn đám tàn quân tháo lui ra biển.

Tuy nhiên, Trần Bá Chí (2003) dẫn một số sử liệu của Trung Hoa và Việt Nam cho rằng Lê Đại Hành đã gửi thư trá hàng và lập đài tuyên thệ. Hậu Nhân Bảo tưởng thật, đi thuyền tới đài tuyên thệ thì bất ngờ bị thủy quân Đại Cồ Việt chia cắt khỏi lực lượng bảo vệ và bị lính tinh nhuệ của Đại Cồ Việt giết chết. Những người có công giết Hậu Nhân Bảo có thể là các tướng Đào Công Mỹ, người làng Dịch Sứ (Hà Bắc), và Phạm Công Quang, người trang Hoa Chương huyện Thủy Đường (Thủy Nguyên, Hải Phòng). Các mũi quân Đại Cồ Việt cũng đồng thời tấn công thủy quân Tống và tiêu diệt một bộ phận lớn.

Truy kích quân Tống

Nghe tin Hậu Nhân Bảo bị giết trên sông Bạch Đằng, Tôn Toàn Hưng hoảng hốt dẫn quân bỏ chạy, đạo quân Trần Khâm Tộ ở Tây Kết lo sợ rút lui, bị quân Đại Cồ Việt truy kích tiêu diệt quá nửa. Tướng Tống là Triệu Phụng Huân bị bắt sống tại trận. Một số sử liệu cũ của Việt Nam chép rằng viên tướng Quách Quân Biện cũng bị bắt trong trận Tây Kết. Tuy nhiên, Trần Bá Chí (2003) dựa vào kết quả nghiên cứu điền dã mà cho rằng Quách Quân Biện đã thoát trận Tây Kết và tìm cách rút về qua đường Sóc Sơn, Phở Yên hướng về Vũ Nhai. Quân Đại Cồ Việt truy kích đến tận Vũ Nhai thì bắt được Quách Quân Biện.

Kết quả

Các sử liệu của Trung Hoa chép về các chiến thắng của quân Tống giai đoạn đầu khá rõ ràng, nhưng khi chép về các thất bại rất sơ lược. Tục tư trị thông giám trường biên của Lý Đào chép việc các tướng lĩnh chinh phạt Đại Cồ Việt thất bại bị trị tội. Theo đó Lưu Trưng cùng Giả Thực đều bị giết bêu đầu ở chợ Ung Châu. Tôn Toàn Hưng bị hạ ngục rồi bị tội chết. Trần Khâm Tộ, Hác Thủ Tuấn, Thôi Lượng đều bị trách phạt, giáng chức. Các tướng lĩnh Tống cao cấp bị chết hay bị bắt tại trận gồm tổng tư lệnh Hậu Nhân Bảo, Chu Vị, Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân.

Sau cuộc chiến này, Đại Tống chấp nhận xuống nước, đến năm 986 chính thức thừa nhận Lê Hoàn là người cai trị Đại Cồ Việt. Hai bên giao hảo, cứ 2 năm một lần Đại Cồ Việt

triều cống Đại Tổng còn Đại Tổng ban sắc phong cho Lê Hoàn. Sau này, vào năm 995, quân Đại Cồ Việt đã có hành động tiến quân sang đất Tống, như ở trấn Như Hồng thuộc địa phận châu Khâm. Nhà Tống gửi thư trách, nhưng Lê Hoàn đã trả lời khá “ngạo mạn”:

“Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở cõi ngoài, hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Nhung, thứ đến đánh Mân Việt, há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi?”

Huyền thoại Nam Quốc Sơn Hà

Có một số nghiên cứu cho rằng bài “thơ thần” Nam quốc sơn hà đã được đọc trong trận tại sông Lục Đầu, nghĩa là trước cả cuộc Chiến tranh Tống–Việt năm 1075–1077. Bài thơ thần này được cho là gắn với thần Trương Hồng và Trương Hát mà dân gian cho là cư ngụ ở vùng sông Thương, sông Cầu. Tương truyền, quân Tống nghe thấy thần đọc thơ và thấy hai đạo âm binh xông vào đánh mình thì sợ quá mà tan vỡ.

Nghệ thuật quân sự

Diễn biến của trận đánh cho thấy trình độ nghệ thuật quân sự của dân tộc Đại Cồ Việt lúc này đã có sự phát triển mới, từ nghệ thuật quân sự của chiến tranh giải phóng sang chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, thể hiện qua các mặt sau: Nghệ thuật chủ động bố trí thế trận; Khéo lợi dụng địa hình, địa thế; Chọn đúng đối tượng tác chiến; Biết dùng mưu kế và sự phối hợp tác chiến giữa quân chủ lực và dân binh ở các địa phương.

Quân dân Đại Cồ Việt đã vận dụng tài giỏi nghệ thuật quân sự phù hợp với điều kiện một nước nhỏ chống lại cuộc xâm lăng của một đế chế phong kiến lớn mạnh.

Chủ động bố trí thế trận

Biết trước âm mưu của nhà Tống sang xâm lăng, và mục tiêu là cố chiếm cho kỳ được thành Hoa Lư, Lê Hoàn đã nhanh chóng xác định đúng phương hướng chống phá, không bị động ngòai chờ đánh giặc. Từ tháng 11 năm 980, nhà vua trực tiếp dẫn đại quân ra miền địa đầu đất nước bố phòng, sẵn sàng đón đánh các đạo quân giặc ngay khi chúng vừa xâm phạm lãnh thổ nhằm “lấy quân nhàn đợi quân mệt”, phá vỡ ý đồ hợp điểm, hội sư của địch, không cho chúng phối hợp thủy bộ tạo thành mũi dùi nguy hiểm thọc sâu vào vùng đồng bằng đông dân, giàu của, và kinh đô Hoa Lư. Thực tế cho thấy, các trận đánh ở Bạch Đằng (24 tháng 1 năm 981), Hoa Bộ (30 tháng 1 năm 981), Đồ Lỗ (7 tháng 2 năm 981), Lục Giang (tháng 3 năm 981) là những trận đánh có tính chất kiềm chế, ngăn chặn những mũi tiến công theo 2 hướng thủy bộ của địch. Kết quả là cánh quân bộ binh của Tôn Toàn Hưng giậm chân ở Hoa Bộ 70 ngày. Và cả hai đạo quân thủy bộ sau hơn 2 tháng tiến vào Đại Cồ Việt, bị nhiều tổn thất, khó khăn mà vẫn chỉ quân quanh ở vùng Bạch Đằng, Hoa Bộ. Dẫu cánh quân của Trần Khâm Tộ đến được Tây Kết (tháng 4 năm 981) thì cũng hiển nhiên rơi vào thế bị cô lập. Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của

quân Tống bị phá sản. Chính lúc đó Lê Hoàn chủ động mở cuộc phản công chiến lược, đánh trận quyết chiến Bạch Đằng và giành được thắng lợi.

Lợi dụng địa hình, địa thế

Phát huy thế mạnh đánh giặc ngay trên quê hương mình và biết rõ âm mưu của quân Tống, Lê Hoàn đã dựa vào hình sông thế núi hiểm trở của đất nước mà bố phòng các đồn lũy, đắp xây thành Bình Lỗ, đặc biệt là đóng cọc ngăn sông Bạch Đằng. Với vị trí hiểm yếu thiên nhiên của sông Bạch Đằng, binh lực của Đại Cồ Việt ở đây bố trí không cần quá nhiều mà vẫn có thể cầm giữ, ngăn cản bước tiến quân địch.

Chọn đúng đối tượng tác chiến

Đề nhanh chóng làm suy sụp tinh thần của đội quân xâm lăng Tống, quân và dân Đại Cồ Việt đã biết chọn đúng đối tượng để giáng đòn phản công quyết định. Đối tượng tác chiến trong trận Bạch Đằng xuân 981 là toàn bộ đội binh thuyền của Hầu Nhân Bảo. Đó là viên Tổng chỉ huy “Giao Châu hành doanh”, mang nhiều tham vọng nhất, liêu lĩnh, và hiếu chiến nhất. Hầu Nhân Bảo cũng là viên tướng tỏ ra có kỷ luật nhất, có quyết tâm thực hiện chiến lược của Tống triều, và đã nhiều lần thúc giục Tôn Toàn Hưng cùng xuất quân đánh chiếm Hoa Lư.

Do đó, việc Lê Hoàn chủ động đánh đạo thủy binh Tống và giết chết chủ tướng bên địch đã có tác động đến toàn cục của chiến tranh. Quân nhà Tiền Lê đánh đòn quyết định đối với đạo thủy binh Hầu Nhân Bảo vào lúc đạo quân này đã bị chia tách khỏi thế trận liên kết của toàn quân Tống. Tôn Toàn Hưng và Lưu Trùng đang co cụm chiến lược ở vùng Hoa Bộ để tránh bị quân Lê tiêu diệt. Trần Khâm Tộ và đạo quân bộ lẻ loi còn đang sa lầy trên cánh đồng Tây Kết. Chính vì thế khi Lê Hoàn tổ chức phản công, Hầu Nhân Bảo không có quân ứng cứu, bị quân Đại Cồ Việt giết chết tại trận.

Dùng mưu kế đánh địch

Diễn biến chiến sự cho thấy giết Hầu Nhân Bảo không mấy dễ dàng. Bởi vậy Lê Hoàn mưu tính dùng kế trá hàng hy vọng giết đúng tên chủ tướng theo cách:

Bên trong bí mật củng cố lực lượng, bài binh bố trận, phòng bị cẩn mật

Bên ngoài thì giấu binh, nói vây hãm, giảm canh phòng

Đồng thời thư từ sang Tống tỏ vẻ run sợ, dùng lời lẽ nhún nhường, ngỏ lời cầu xin quy phục để bảo toàn tính mạng.

Tống sử Trung Hoa chép: “Lê Hoàn giả vờ xin hàng, mà Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng cứ tưởng là thật...” Điều này chứng tỏ Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng mắc lừa

mưu kế của Lê Hoàn mà lơ là không phòng bị. Do đó khi bị quân Đại Cồ Việt tập kích, Hầu Nhân Bảo hoàn toàn bất ngờ, không kịp chống đỡ và bị giết chết.

Phối hợp tác chiến giữa quân và dân

Việc Lê Hoàn truyền hịch cầu tài, xuống chiếu tuyển quân, thu lương ở khắp mọi miền đất nước đã thực sự phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt. Những trận đánh lớn, ngoài quân chủ lực của triều đình còn có sự tham gia rất tích cực của các đội dân binh địa phương. Dân binh các làng xã còn thường xuyên tập kích, quấy rối những lúc quân địch đang giậm chân tại chỗ, chưa tiến được khiến cho quân Tống bị tiêu hao lực lượng, tinh thần hoang mang.

Tham khảo

^ Trần Bá Chí (2003), Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội. (bản điện tử)

^ Theo Trần Bá Chí (2003), Lư Đa Tốn là Đồng bình chương sự, tức tể tướng, của triều Tống Thái Tông.

^ Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, chính biên quyển I.

^ Trần Bá Chí (2003) dẫn An Nam chí nguyện của Cao Hùng Trưng.

^ Dẫn lại từ Lê Tắc (1335), An Nam chí lược, bản dịch của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế, năm 1961.

^ Trương Hữu Quýnh (2007), “Chương V: Thế kỷ X: Bước đầu xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, thống nhất thời Khúc – Ngô – Đinh – Tiền Lê” trong Trương Hữu Quýnh chủ biên, Đại cương lịch sử Việt Nam tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, trang 116.

^ Ngô Sĩ Liên chủ biên, Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ, quyển I, kỷ Nhà Lê.

^ Lai lịch các tướng lĩnh Tống này được Trần Bá Chí (2003) giới thiệu.

^ Tống sử quyển 488 Liệt truyện đệ 247 ngoại quốc 4: Giao Chi

^ Trần Bá Chí (2003) ước lượng quân Tống từ 3 vạn đến 4 vạn.

^ Nguyễn Quang Ngọc (2005) cho rằng quân Tống có 3 vạn (xem Nguyễn Quang Ngọc (2005), “Lê Hoàn và chiến thắng Bạch Đằng năm 981”, trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội).

^ Lịch sử quân sự Việt Nam tập 3 do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam biên soạn cho rằng quân Tống có 4 vạn, gồm 1 vạn thủy quân do Hầu Nhân Bảo và 1 vạn lục quân do Tôn Toàn Hưng dẫn sang đợt đầu, 1–2 vạn thủy lục quân do Lưu Trừng và Trần Khâm Tộ dẫn sang đợt 2.

^ Trần Bá Chí (2003) cho rằng thành Bình Lỗ này phải nằm trên đường dẫn tới kinh đô Hoa Lư, và xác định đây là chiến lũy theo kiểu tuyến dài khoảng 30km dọc sông Hồng, từ Yên Lệnh (Thường Tín, Hà Nội) tới Bình Lục (Hà Nam). Còn Nguyễn Vĩnh Phúc (2005) thì dẫn nghiên cứu của Lê Văn Lan cho rằng phòng tuyến này ở phía Bắc thành Đại La, dọc sông Cà Lồ (xem Nguyễn Vĩnh Phúc (2005), “Lê Đại Hành và Sóc Thiên Vương” trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội).

^ Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ, quyển IV, kỷ Nhà Trần.

^ Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược.

^ Trương Hữu Quýnh chủ biên (2007), Đại cương lịch sử Việt Nam – tập I, Nhà xuất bản Giáo dục.

^ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2003), Lịch sử Quân sự Việt Nam, tập 3, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

^ Nguyễn Minh Tường (2005), “Đại bản doanh của vua Lê Đại Hành trong trận Bạch Đằng năm 981”, trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội.

^ Lê Đình Sỹ (2005), “Có một trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng năm 981”, trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội.

^ Sách đã dẫn

^ Sách đã dẫn, trang 116.

^ Nguyễn Quang Ngọc (2005) dẫn lại từ Lý Đào trong Tục tư trị thông giám trường biên.

^ Nguyễn Quang Ngọc (2005), “Lê Hoàn và chiến thắng Bạch Đằng năm 981” trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn của Nhà xuất bản Hà Nội.

^ Sách đã dẫn.

^ Sách đã dẫn, trang 117.

^ Nguyễn Hữu Tâm (2005), “Đại thắng mùa xuân năm 981 trên sông Bạch Đằng của quân dân Đại Cồ Việt qua một số thư tịch của Trung Quốc”, trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội.

^ Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư, Quyển VI, Kỷ Nhà Trần, mục Anh Tông Hoàng Đế, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội (Hà Nội) ấn hành (1993)

^ Trần Bá Chí: Lê Đại Hành phá Tống giữ vững độc lập. Số 25. Khoa sử. Đại học quốc gia Hà Nội

^ Đại sư Khuông Việt (933–1011) Thiên uyển tập anh

^ Nguyễn Vĩnh Phúc: Lê Đại Hành và Sóc thiên vương. Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn

^ Trần Bá Chí: Bản ngọc phả về bà vợ Lê Đại Hành đánh giặc Tống. Tạp chí Hán nôm số 2 (51), năm 2002

^ Trần Đình Hoàn. Lĩnh Nam Chích Quái. Truyện hai vị thần ở Long Nhãn, Như Nguyệt

^ Tướng quân Trương Hồng, Trương Hát. Báo Bắc Ninh ngày 15/6/2007, mục xưa và nay

^ Đại Việt Sử Lược Quyển I. Vua Lê Đại Hành

^ 20 trận đánh trong lịch sử dân tộc. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân. Hà Nội, 2003. tr. 40.

^ An Nam chí lược – Quyển Đệ nhị.

^ Xem Bùi Duy Tân (2005), “Nam quốc sơn hà và Quốc tộ, hai kiệt tác mở đầu lịch sử văn học ngang qua triều đại Lê Hoàn”, trong Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nhà xuất bản Hà Nội có nhắc đến các nghiên cứu này.

^ Các Trận Đánh Trong Lịch sử Quân sự Việt Nam

nguồn: [blog người kể sử](#)



CHIẾN TRẬN BẠCH ĐĂNG GIANG

Thời gian: 1288

Địa điểm: Sông Bạch Đằng, Đại Việt

Kết quả: Quân đội Đại Việt đại thắng, nền độc lập của Đại Việt được bảo toàn.

Tham chiến

Nhà Trần (Đại Việt): Chỉ huy: Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, và Trần Hưng Đạo.

Nhà Nguyên: Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, và Trương Văn Hổ.

Lực lượng

Nhà Trần: hơn 50000

Nhà Nguyên: hơn 80000

Tổn thất

Nhà Trần: 4000–4500 người chết

Nhà Nguyên: 80000 chết và bị thương, Hàng trăm tàu chiến bị chìm, hơn 400 tàu chiến bị bắt giữ; các tướng Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp bị bắt sống.

Trận Bạch Đằng năm 1288 xảy ra trên sông Bạch Đằng thuộc đất Đại Việt, là một trận đánh quan trọng trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên–Mông trong lịch sử Việt Nam.

Đây là chiến thắng vẻ vang của quân Đại Việt do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo cùng với Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông chỉ huy trước quân xâm lăng Nguyên–Mông. Quân Nguyên bị thiệt hại vô cùng nặng (với khoảng hơn 4 vạn quân sĩ bị loại khỏi vòng chiến), và nhiều tướng Nguyên trong đó có cả Ô Mã Nhi, Phạm Nhan, và Phàn Tiếp cũng bị bắt sống và dâng lên Thượng hoàng Thánh Tông. Ngoài ra, có những 400 chiến thuyền của quân Nguyên rơi vào tay quân Trần thắng lớn. Đại thắng trên sông Bạch Đằng được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lăng Nguyên–Mông.

Đại thắng này là một chiến quả của kế cắm cọc trên sông Bạch Đằng của Hưng Đạo Vương, mở đầu với việc quân sĩ của ông lừa được địch vào trận địa cọc nhân triều rút. Quân Nguyên vấp phải sự chiến đấu mãnh liệt của quân Thánh Dực dưới quyền Nguyễn Khoái (Bình chương Áo Lỗ Xích của Nguyên–Mông bị bắt trong trận này), tiếp theo đó các vua Trần đem binh tới ác chiến, đập tan nát quân Nguyên. Tiếp theo đó, quân Trần mai phục hai bên cũng dũng vũ xông ra, tiếp tục diệt tan quân địch. Khi nước triều rút, quân Nguyên hoàn toàn lâm vào thảm họa. Với sự hoàn tất sứ mệnh phá hủy đoàn binh thuyền của Ô Mã Nhi, toàn thắng này dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của Đại Việt trong cuộc Chiến tranh Nguyên Mông–Đại Việt lần 3 và hoàn toàn phá tan âm mưu xâm chiếm Đại Việt của nhà Nguyên. Chiến tích vẻ vang này của Trần Hưng Đạo cùng với hai vị minh quân triều Trần đã lưu danh trong lịch sử Việt Nam, và là đề tài cho nhiều tác phẩm văn học Việt Nam thời Trung đại, dưới ngòi bút của các danh sĩ Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi... Trương Hán Siêu đã thuật lại diễn biến cuộc chiến này trong bài “Phú sông Bạch Đằng” như sau:

*“Thuyền bè muôn đội, tinh kỳ phấp phới
Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói
[...]*

*Trận đánh được thua chưa phân
Chiến lũy bắc nam chống đối
[...]*

*Tát Liệt thế cường, Lưu Cung chước dối
Những tướng gieo roi một lân
Quét sạch Nam bang bốn cõi
[...]*

*Trời cũng chiều người
Hung đồ hết lối!”*

Kế hoạch rút quân của quân Nguyên

Vào năm 1287, nhà Nguyên mở đầu cuộc xâm lăng Đại Việt lần thứ ba, nhưng chỉ chiếm được kinh thành Thăng Long không một bóng người, và thủy quân Đại Việt do Phó tướng Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chỉ huy đã đánh tan nát đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ trong trận Vân Đồn. Trước tình hình bất lợi, quân Nguyên định tổ chức rút về Trung Hoa theo nhiều hướng khác nhau. Ngày 3 tháng 3 năm Mậu Tý (1288), Hữu thừa Trình Bằng Phi, Thiên tĩnh Đạt Mộc thống lĩnh kỵ binh đi đón các cánh quân di chuyển bằng đường thủy (đoàn thuyền của Trương Văn Hổ). Tuy nhiên khi qua chợ Đông–Hồ thì bị dòng sông chắn ngang, phải quay lại, nhưng cầu cống đã bị quân nhà Trần bóm theo sau phá hủy. Quân Nguyên rơi vào thế nguy, trước mặt thì bị quân Trần chặn đường, sau lưng là chướng ngại thiên nhiên. Tuy nhiên quân Nguyên do tra hỏi

những tù binh nên đã tìm được đường thoát, nửa đêm hôm đó cánh quân này đột phá vòng vây chạy trốn theo con đường khác, phối hợp với một cánh quân Nguyên đang rút lui để cùng nhau ra khỏi ải Nội Bàng. Tuy bị bất ngờ bởi sự thay đổi lộ trình của quân Nguyên, quân đội nhà Trần đuổi theo đánh rất sát vào cánh quân đoạn hậu. Tướng Nguyên là Vạn hộ Đáp Thử Xích và Lưu Thế Anh phải dẫn quân quay trở lại phía sau đối phó với quân Trần, sau một trận giao chiến bất đợc và giết các tướng Trần chỉ huy toán quân tập kích là các tướng Phạm Trù và Nguyễn Kị.

Ngày 7 tháng 3 năm Mậu Tý (8 tháng 4 năm 1288), cánh quân Mông Cổ rút bằng đường thủy đi tới Trúc Động, tại đây họ bị quân nhà Trần chặn đánh, nhưng tướng Nguyên là Lư Khuê chỉ huy [đoàn] quân này đánh lui quân nhà Trần và chiếm đợc 20 chiến thuyền.

Ngày 8 tháng 3 (9 tháng 4 năm 1288), Ô Mã Nhi không cho quân rút về bằng đường biển mà đi theo sông Bạch Đằng, vì tính rằng đường biển đã bị thủy quân nhà Trần vây chặt thì phòng bị đường sông có thể sơ hở, hơn nữa sông Bạch Đằng nối liền với nội địa Trung Hoa bằng thủy lộ, thuận lợi cho việc rút lui.

Năm 1288, sau khi rút lui khỏi kinh đô Thăng Long, Trần Hưng Đạo đã quyết định đánh một trận lớn chống quân Mông Cổ xâm lăng đi vào Đại Việt thông qua sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng trước đó cũng là một địa danh lịch sử khi Ngô Quyền đã từng đánh thắng quân Nam Hán trong năm 938, kết thúc gần 1000 năm Bắc thuộc. Trần Hưng Đạo đã nghiên cứu kỹ lưỡng quy luật thủy triều của con sông này để vạch ra thế trận cọc để mai phục quân Nguyên–Mông.

Trần Hưng Đạo chỉ huy quân dân Đại Việt chuẩn bị một trận địa mai phục lớn trên sông Bạch Đằng, là nơi đoàn thuyền của quân Nguyên sẽ phải đi qua trên đường rút chạy. Các loại gỗ lim, gỗ táu đã đợc đốn ngã trên rừng kéo về bờ sông và đợc đẽo nhọn cắm xuống lòng sông ở các cửa dẫn ra biển như sông Rút, sông Chanh, sông Kênh làm thành những bãi chông ngầm lớn, kín đáo dưới mặt nước. Ghềnh Cốc là một dải đá ngầm nằm bất ngang qua sông Bạch Đằng nhưng phía dưới sông Chanh, đầu sông Kênh, có thể sử dụng làm nơi mai phục quân lính phối hợp với bãi chông ngầm nhằm ngăn chặn thuyền địch khi nước rút xuống thấp. Thủy quân Đại Việt bí mật mai phục phía sau Ghềnh Cốc, Đồng Cốc, Phong Cốc, sông Khoai, sông Thái, sông Gia Đợc, Điền Công, còn bộ binh bố trí ở Quảng Yên, dọc theo bờ bên trái sông Bạch Đằng, Tràng Kênh ở bờ bên phải sông Bạch Đằng, núi Đá Voi... ngoại trừ sông Đá Bạc là để trống cho quân Nguyên kéo vào. Đại quân của hai vua đóng quân ở Hiệp Môn (Kinh Môn, Hải Dương) trong tư thế sẵn sàng lâm trận cho chiến trường quyết liệt sắp xảy ra.

Diễn biến trận đánh

Khi Ô Mã Nhi dẫn đoàn thuyền tiến vào sông Bạch Đằng nhân lúc nước lớn, thủy quân nhà Trần tràn ra giao chiến, rồi giả thua chạy vào sâu bên trong. Ô Mã Nhi trúng kế khích tướng nên thúc quân ra nghênh chiến, các tướng Phàn Tham Chính, Hoạch Phong cũng ra

tiếp ứng. Khi thuyền quân Nguyên đã vào sâu bên trong sông Bạch Đằng, tướng Nguyễn Khoái dẫn các quân Thánh Dực ra khiêu chiến và nhử quân Nguyên tiến sâu vào khúc sông đã đóng cọc, trong khi quân Trần đợi cho thủy triều xuống mới quay thuyền lại và đánh thẳng vào đội hình địch. Bình chương Áo Lỗ Xích của Nguyên–Mông đã bị bắt sống trong cuộc chiến đấu quyết liệt của quân Thánh Dực.

Thủy quân Đại Việt từ Hải Đông–Vân Trà từ các phía Điền Công, Gia Đức, sông Thái, sông Giá nhanh chóng tiến ra sông Bạch Đằng, với hàng trăm chiến thuyền cùng quân lính các lộ dàn ra trên sông và dựa vào Ghềnh Cốc thành một dải thuyền chặn đầu thuyền địch ngang trên sông. Trong lúc thủy chiến đang diễn ra dữ dội thì đoàn chiến thuyền của hai vua Trần đóng ở vùng Hiệp Sơn (Kinh Môn, Hải Dương) bên bờ sông Giáp (sông Kinh Thầy, vùng Kinh Môn, Hải Dương) làm nhiệm vụ đánh cầm chừng và cản bước tiến của địch, cũng tấn công từ phía sau khiến quân Nguyên càng lúng túng và tổn thất rất nặng. Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư, “nước sông do vậy đỏ ngầu cả”. Bị bắt lợi hoàn toàn, rất nhiều chiến thuyền của quân Nguyên bị cháy rụi. Bị tấn công tới tấp trên sông, một số cánh quân Nguyên bỏ thuyền chạy lên bờ sông bên trái của Yên Hưng để tìm đường trốn thoát, nhưng vừa lên tới bờ họ lại rơi vào ổ phục kích của quân Trần, bị chặn đánh kịch liệt. Trờì về chiều khi giao tranh sắp kết thúc, Ô Mã Nhi cùng với binh lính dưới quyền chống cự tuyệt vọng trước sự tấn công của quân Trần, vì quân Nguyên của Thoát Hoan không tới cứu viện, nên đạo quân này hoàn toàn bị quân Trần tiêu diệt. Theo Nguyên sử, truyện của Phàn Tiếp chép rằng kịch chiến xảy ra từ giờ mao đến giờ dậu, tức là từ sáng kéo dài đến chiều tối mới kết thúc. Nguyên Sử có chép về tướng Nguyên Phàn Tiếp:

“Tiếp cùng Ô Mã Nhi đem quân thủy trở về, bị giặc đón chặn. [Thủy] triều sông Bạch Đằng xuống, thuyền Tiếp mắc cạn. Thuyền giặc dồn về nhiều, tên bắn như mưa. Tiếp hết sức đánh từ giờ mao đến giờ dậu. Tiếp bị thương, rớt xuống nước. Giặc móc lên bắt, dùng thuốc độc giết”.

Bia Lý Thiên Hựu cũng chép: *“Tháng ba, đến cảng Bạch Đằng, người Giao chặn chiến hạm ngang sông để chống cự quân ta, đến lúc nước triều rút, thuyền không tiến được, quân tan vỡ...”*. Lý Thiên Hựu là 1 viên tướng Nguyên cũng tham gia trận Bạch Đằng.

Kết cục

Quân nhà Trần đại thắng, bắt được hơn 400 chiến thuyền, tướng Đỗ Hành bắt được tướng Nguyên là Tích Lệ Cơ và Ô Mã Nhi dâng lên Thượng hoàng Trần Thánh Tông. Thượng hoàng đã vui vẻ hậu đãi những viên bại tướng này. Khoảng hơn 4 vạn tướng sĩ Nguyên–Mông đã bị loại ra khỏi vòng chiến. Tướng Nguyên là Phàn Tiếp bị bắt sống, rồi bị bệnh chết, trong khi một bại tướng khác là Phạm Nhan thì đã bị Trần Quốc Tuấn cho trảm quyết. Cánh thủy quân của quân Nguyên hoàn toàn bị tiêu diệt. Chiến thắng vinh quang của quân Đại Việt trong trận sông Bạch Đằng năm 1288 được xem là một trận đánh hủy diệt và thủy chiến lớn nhất trong lịch sử kháng chiến của dân tộc Việt Nam, và cũng được

xem là thắng lợi tiêu biểu nhất của quân Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lăng Nguyên–Mông, dẫn đến chấm dứt thắng lợi cho Đại Việt trong cuộc Chiến tranh Nguyên Mông–Đại Việt lần thứ ba.

Mặc dầu về sau này, “Giao Chỉ” hãy còn “ngựa ngáy trong tim Hốt Tất Liệt”, đại thắng của Quân đội Đại Việt trong trận sông Bạch Đằng không chỉ hoàn tất mục đích đập vỡ đoàn binh thuyền của Ô Mã Nhi, mà còn hoàn toàn phá vỡ âm mưu xâm lăng Đại Việt, và qua đó Đế quốc Mông Cổ không thể nào làm chủ cả Đông Nam Á.

Ý kiến khác về Ghềnh Cốc

Hiện nay, nhiều ý kiến nhấn mạnh đến vai trò của Ghềnh Cốc trong chiến thắng Bạch Đằng, cho rằng ghềnh này đã được tận dụng như là một chiến lũy thiên nhiên tuyệt vời để góp phần quan trọng cho trận thắng.

Tuy nhiên, tất cả các tài liệu sử Nguyên, sử Việt được biết đều chẳng nhắc gì đến Ghềnh Cốc. Chỉ vào nửa sau Thế kỷ XX, Ghềnh Cốc mới được nói đến và được đánh giá với vai trò quan trọng như vậy. Điều này có thể đúng, nếu hơn 7 thế kỷ qua, dòng sông Bạch Đằng bất biến về vị trí, hình thái, và kích thước. Nhưng trong thiên nhiên, sự bất biến như vậy gần như không có trên thực tế.

Phân tích tài liệu hình thái, có thể thấy sông Bạch Đằng đã và đang có xu thế [xê] dịch trục lòng về phía bờ đông, tương ứng với xói lở bờ phía Hà Nam và bồi tụ phía Thủy Nguyên.

Trục lòng sông Bạch Đằng vào khoảng năm 1288 có thể nằm lệch về phía tây một vài trăm mét hoặc nhiều hơn nữa so với bây giờ, Ghềnh Cốc khi ấy có thể còn nằm chìm dưới bề mặt vùng bãi triều phía tả ngạn dòng sông và mới lộ ra ở đáy sông sau này, khi lòng sông Bạch Đằng dịch chuyển về phía đông.

Vậy, nếu không có Ghềnh Cốc, quân Đại Việt dựa vào đâu để cản được chiến thuyền Nguyên–Mông rút chạy ra biển theo dòng chính Bạch Đằng? Chính là trận địa cọc trên dòng chủ lưu Bạch Đằng đã cản đường rút quân ra biển của chiến thuyền Nguyên–Mông.

Đâu là bãi cọc chính của trận Bạch Đằng 1288?

Sông Bạch Đằng bây giờ sâu và rất rộng, nên khó nghĩ rằng trận địa cọc chính lại có thể cắm ngang dòng chủ lưu. Nhưng khoảng 5–7 trăm năm trước, đây là một bộ phận của châu thổ sông Hồng. Vì thế, lòng chính sông Bạch Đằng khi ấy có thể nông hơn và hẹp hơn ngày nay. Mô tả của Nguyễn Trãi trong Dư địa chí phù hợp với nhận định này:

“*Sông Vân Cù rộng 2 dặm linh 69 trượng, sâu 5 thước*”. Chỉ mới khoảng 5–7 trăm năm qua, vùng cửa sông Bạch Đằng mới chuyển hóa thành cấu trúc vùng cửa sông hình phễu với các lòng lạch bị xâm thực sâu và rộng.

Vì vậy, việc tồn tại một trận địa cọc chính cắm ngang qua dòng chủ lưu sông Bạch Đằng là hoàn toàn có thể. Có điều, bãi cọc chính ấy, sau chiến tranh người ta buộc phải thu dọn, nhỏ đi để cho thuyền bè buôn bán, vận tải, và đánh cá xuôi ngược. Những bãi cọc tìm thấy hiện nay ở sông Chanh, Vạn Muối, sông Rút chỉ là các bãi phụ trợ, nhằm chặn đường rút của chiến thuyền Nguyên–Mông sang Vịnh Hạ Long. Phân tích kỹ chiều dài thân cọc, đoạn chặt vát, vị trí cọc nguyên vị trong bãi bồi sông Chanh và thay đổi của thủy triều khu vực, chẳng khó khăn để nhận thấy các bãi cọc tìm thấy chỉ là phần cắm trên bãi triều thấp ven lòng, chưa phải phần chính của bãi cọc ngang qua sông Chanh (chắc cũng phải nhỏ đi sau chiến tranh cho thuyền bè qua lại).

Một nhận định nữa về sự tồn tại của trận địa cọc chính trên dòng chủ lưu sông Bạch Đằng: Vào thời gian trong năm xảy ra trận đánh, ở vùng này gần như hoàn toàn không có gió hướng tây. Vì vậy, khi dòng chảy triều xuống, các bè lửa thả từ phía thượng nguồn không thể dạt về cửa nhánh sông Chanh, hay Vạn Muối để thiêu đốt thuyền Nguyên–Mông tụ lại ở đây. Các bè lửa sẽ theo dòng chảy trôi về phía cửa biển Nam Triệu, khi ấy, nếu áp sát vào Ghềnh Cốc để cản thuyền Nguyên–Mông, thì thuyền Đại Việt cũng bị bè lửa thiêu. Vậy, chính trận địa cọc dày đặc ngang sông, chứ không phải ghềnh đá, đã cản thuyền quân Nguyên–Mông ra cửa biển Nam Triệu.

Giả thuyết khác về bãi cọc

Có ý kiến cho rằng, ngay từ khi nhận chức Tiết chế ở Bình Than, Trần Quốc Tuấn đã theo kế của Ngô Quyền, muốn ngăn quân địch tiến vào bằng cọc nhọn ở Bạch Đằng. Số cọc nhọn làm năm 1288 chỉ là số bổ sung thêm.

Ngay từ năm 1284, Trần Quốc Tuấn đã giảng bầy ở đây và muốn dồn địch vào trận địa cọc, nhưng quân Trần yếu thế không thực hiện được ý định. Kết quả quân Nguyên vượt qua an toàn.

Năm 1287, khi Ô Mã Nhi tiến vào cũng mang quân đông và mạnh khiến quân Trần không thể dồn quân Nguyên tới bãi cọc vào thời điểm triều rút, do đó việc bố trí cọc cũng vô hiệu.

Theo ý kiến của Trần Xuân Sinh, các tướng Nguyên không thể không biết về bài học trận Bạch Đằng, 938 của Nam Hán; nhưng do hai lần đã đi qua dễ dàng, quân Nguyên chủ quan không đề phòng chạm bẫy ở sông Bạch Đằng năm 1288. Chính vì vậy khi rút lui đã bị sa vào trận địa và bị diệt hoàn toàn.

Trong thi ca

Chiến công trên sông Bạch Đằng vào năm 1288 của các vua Trần và Trần Quốc Tuấn, cùng với đại thắng của Ngô Quyền trong trận đánh tại đây thuở xưa, đã khiến cho dòng

sông này trở nên gắn bó sâu sắc với lịch sử dân tộc Việt Nam. Có thể kể đến bài “Phú sông Bạch Đằng” của một môn khách của Hưng Đạo Đại Vương là Trương Hán Siêu được coi là một bản hùng văn trong lịch sử văn học Việt Nam. Qua tác phẩm này, Trương Hán Siêu đã ca ngợi công đức của hai vị minh quân Trần Thánh Tông cùng với Trần Nhân Tông (“Nhị Thánh hê tịnh minh, tợ thử giang hê tấy giáp binh” – dịch là: “Hai vua thật anh minh, đến sông này đẹp đạo binh”), và đề cao Hưng Đạo Đại Vương (“Duy thử giang nhi đại tiếp, do Đại Vương chi tặc nhàn”, dịch nghĩa: “Nghĩ có đại thắng trên sông này, do bởi Đại Vương [biết thế] giặc nhàn”). Tác giả cũng nêu cao khí phách của Vương triều nhà Trần – “hào khí Đông A” – đại thắng hiển hách trong trận Bạch Đằng.

Vua Trần Minh Tông về sau cũng viết bài thơ “Bạch Đằng Giang”, trong đó có đoạn:

*“Non sông này xưa nay đã hai lần mở mắt,
Cuộc hơn thua giữa Hồ và Việt thoáng qua như một lúc dựa vào lan can.
Nước sông chan chứa rọi bóng mặt trời cuối ngày đỏ ối,
Còn ngỡ là máu chiến trường thuở trước chưa từng khô.”*

Nguyễn Trãi – vị anh hùng dân tộc của Đại Việt dưới triều Hậu Lê, cũng có bài thơ “Bạch Đằng Hải Khẩu”, trong đó có đoạn:

*“Ngạc đao kinh khoa sơn khúc khúc;
Qua tràm kích chiết ngạn tầng tầng.
Quan hà bách nhị do thiên thiết;
Hào kiệt công danh thử địa tằm”.*

Dịch nghĩa:

*“Như cá sấu bị chặt, cá kình bị mổ, núi chia từng khúc một;
Như mũi qua chìm, cây xích gãy, bên bờ lớp lớp chông.
Quan hà hiểm hai người chống trăm người do trời xếp đặt;
Hào kiệt lập công danh đất ấy từng là nơi.”*

Tham khảo

Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm (1972), Cuộc kháng chiến chống xâm lăng Nguyên–Mông thế kỷ XIII, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, bản in lại năm 2003.

Trần Xuân Sinh (2006), Thuyết Trần, Nhà xuất bản Hải Phòng.

Đại Việt Sử ký Toàn Thư (nhiều tác giả)

Almanach Những nền văn minh thế giới – Nhà xuất bản văn hóa thông tin, tái bản lần 1 năm 2007.



Nguồn: Internet eMail by tqh chuyển